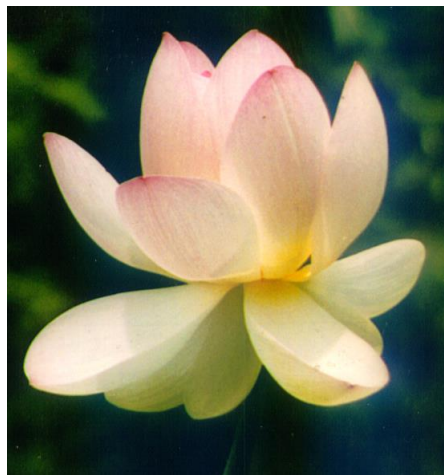


Như Pháp Quân TRẦN NGỌC ANH

Trung Đạo



Tủ sách Tinh Hoa Việt Nam
2000

Trung-Đạo

TRUNG-ĐẠO

Tác giả: Như Pháp Quân Trần Ngọc Anh

Hiệu đính và trình bày bản in: Trần Ngọc Dụng

Hình bìa: Trần Phan Ngọc Minh

Tháng Tư năm 2000

TỦ SÁCH TINH HOA VIỆT NAM

“ ... tôi sẽ hướng dẫn đời vào đạo để có một niềm vui bất tận, và sẽ được giải thoát trong niềm vui này.”

(Trích tâm nguyện của Trần Ngọc Anh viết ngày 27/10/1990)

Mục Lục

PHẦN MỘT TRUNG ĐẠO

Lời Mở Đầu 5

HÀNH TƯỚNG TRUNG-ĐẠO 6

- A. Lời Phật Dạy 6
- B. Yếu-chỉ cần lãnh-hội 6
 - I. Người Hành Đạo 6
 - II. “Gỗ Trôi Mặt Nước Theo Giòng Mà Đi” 7
 - III. Năm Trường Hợp Không Bị Gián Đoạn 8

HÀNH DỤNG TRUNG ĐẠO 10

- A. Lời Phật dạy 10
- B. Nhận xét và suy tư 12
 - II. Suy Tư 12
 - III. Kết Luận 14

LÝ TÁNH TRUNG-ĐẠO 15

- A. Lời Phật dạy 15
 - I. Phật dạy (Kinh Tứ Thập Nhị Chương, ch. 40) 15
- B. Tâm-đạo hành 15
- C. Vô Niệm, Vô Hành, Vô Ngôn, Vô Tu 17
 - I. Vô Niệm 17
 - II. Vô Hành 19
 - III. Vô Ngôn 21
 - IV. Vô "Tu vô-tu tu" (Tu là tu cái không-tu gì cả) 23

TỪ ĐỜI ĐẾN ĐẠO

- A. Lời Phật dạy. 26
- B. Tìm hiểu, biết rõ, tu đúng để được Đạo. 26
 - I. Xuất Gia Và Dứt Bỏ Ai-Dục 26
 - II. “Nhận Xét Nguồn Tâm, Hiểu Rõ Lý Mầu Của Phật” 26
 - III. “Tâm Không Ràng Buộc Nơi Đạo, Đoạn Trừ Nghiệp” 28
 - IV. Kết Luận 29
- C. Bỏ Riêng Về Chung 29
 - I. Đi Vào Ngõ Hẹp 29
 - II. Nên Tự Mở Trói Cho Chính Mình 30
 - III. Giúp Cho Người Khác Tự Mở Trói 32
- D. Tổng Kết 33



THAY LỜI MỞ ĐẦU

(Lời chim con trình cùng chim mẹ)

Từ ngày đủ cánh đủ lông
Mẹ cho con được thoát “lông” bay đi.
Ban đầu con chẳng biết chi,
Thấy trời cao rộng, biết bay đi phương nào?
Con chuyên theo dọc hàng rào,
Thấy xa e ngại, thấy cao ngập ngừng.
Nghe chim khôn hát vang lừng,
Con theo giọng tốt, chập chùng nỉ non.
Rồi .. rồi .. theo lớp chim khôn,
Con bay con lượn lên cồn, xuống khe.
Nhiều khi đứng lặng con nghe,
Có anh ca hát tiếng rè tiếng thanh.
Lòng con chẳng muốn cầu danh,
Thấy không đúng điệu cũng đành làm thinh.
Càng lâu càng biết sức mình,
Nay con đã thấy rõ tình nước non.
- Thời gian: nước chảy đá mòn,
Không gian: lửa tắt vẫn còn tro bay.
Chim con ca hát có ngày,
Cây cao đầu gió khó bầy bóng im.
Trời xanh đâu dễ thấy tim!
Biển sâu nào giữ bóng chim lưng trời!
- Cha khuyên con đã yêu đời,
Mẹ thương con đã nguyện lời sắt son.
Trời còn, non nước vẫn còn
Còn lòng Cha Mẹ: nước non an thường!
Muôn đời chỉ một tình thương,
Con xin trình Mẹ: bước đường con đi.

Ngày sáu tháng tám năm Tân Dậu (3/9/1981)

Như Pháp Quân Trần Ngọc Anh

HÀNH TƯỚNG TRUNG ĐẠO

A. Lời Phật Dạy

Trong kinh Tứ Thập Nhị chương, chương thứ hai mươi bảy, Phật dạy: “Xét ra, người hành đạo cũng như gỗ trôi mặt nước, theo giòng mà đi, chẳng tấp vào hai bên bờ, chẳng bị người vớt, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy làm đứng lại, cũng chẳng bị mục nát. Ta cam-đoan rằng khúc gỗ đó quyết định sẽ ra đến biển; còn người học đạo, nếu chẳng bị tình làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà-ngoại làm nhiễu-loạn, tinh-thần tu pháp vô vi, Ta cam-đoan rằng người đó tất sẽ được Đạo.”

B. Yếu-chỉ cần lãnh-hội

“Người hành đạo như gỗ trôi mặt nước, theo giòng mà đi.”

I. Người Hành Đạo

Người hành đạo chỉ có một, mà trong sự ví lại so sánh với bốn yếu-tố là: gỗ trôi, mặt nước, theo giòng, mà đi. Vậy ta phải hiểu thế nào cho đúng Thánh Ý?

1. Người hành đạo là ai? Người hành đạo là người đã vào đạo, đã hiểu biết đạo, đã thấy đạo, mới đem đạo ra hành là làm, tức hiện-thực đạo, là sống đúng theo đạo-lý để làm gương cho kẻ khác noi theo. Vậy người hành đạo không phải là người thường., không phải là người mới tu lục-độ theo hạnh Bồ-tát, mà là hiện-thân của Bồ-tát làm Lục-độ để hoàn thành Phật-pháp.

Bồ-tát làm Lục-độ, theo kinh sách, có thể chia ra làm ba hạng:

a. Hạng thứ nhất: là những Vị đã chứng đến bậc Diệu-Giác hay Phật quả, nhưng vì lòng đại-bi thương xót chúng sanh, nên không vào cõi tịch-diệt mà trở lại làm Thánh-tăng ở bậc Đẳng-giác. Bậc Đẳng-giác cũng là quả vị mà hàng Thập-địa Bồ-tát đang hưởng về trước khi thành Phật. Trong Kinh Lăng Nghiêm khi nói về bậc Đẳng-giác, Phật có dạy rằng “Như-Lai ngược giòng, còn Bồ-tát thuận giòng mà đến.” (trang 464)

b. Hạng thứ hai: là những vị đã chứng từ quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán và còn đang theo một bậc Đại-giác để tu học nữa. Đó là trường hợp các đệ-tử của Phật Thích Ca đi theo Ngài để làm Sa-môn.

c. Hạng thứ ba: là hạng tòng nguyện theo một bậc vô tu, vô chứng, vô trụ, vô niệm, để vừa tu học vừa hành nguyện.

Trong ba hạng trên, hạng đầu quá cao, khó biết được. Hạng nhì quá xa trong dĩ-vãng, cũng không dễ gì hiểu thấu. Chỉ còn hạng thứ ba là hạng chúng ta có thể thấy biết được rõ ràng.

Như thế, người hành đạo ở đây, nên hiểu là các người tòng nguyện đã có “Trí-tuệ căn-bản”, được phép đi hành đạo.

2. Người hành đạo là hành tướng Trung đạo

- Trong lục-đạo chúng sinh, thì ở cõi Tiên quá sướng, ở cõi địa ngục thì quá khổ. Nên ở hai cõi ấy đều khó tu, tu lâu thành đạo. Chỉ có ở cõi người vừa có khổ vừa có sướng, mới dễ tu và tu mau hơn. Đó là một nghĩa của hai chữ Trung Đạo, là con đường ở giữa.
- Mỗi người chúng ta, ai cũng có thân xác, ý-thức và trí-tuệ.

Thân xác thì trong từng giây, từng tế-bào thay đổi, cho nên nó là tướng sanh diệt, cũng như muôn ngàn pháp hữu-vi khác.

- Còn trí-tuệ hay Tâm thường-tịch thì vô vi, bất động, trong suốt như cái kính lúp hay như tấm gương sáng soi chiếu tất cả mà không hề dính mắc với một sự vật nào cả.
- Chỉ có ý-thức “gồm thân muôn pháp” ở ngoại cảnh, hiển-lộ thành hình bóng chuyển-hoá, tạo ra một hiện-thể không
- có, không không, luân-lưu, biến-chuyển, đổ đời không ngừng.

Ý-thức là hiện-tướng Trung-đạo, giữa Tâm thường-tịch nguyên-không và các pháp hữu-vi giả-hợp.

Vậy “người” có “ý-thức hành đạo”, hiệp thành “người hành đạo” là hành-tướng Trung-đạo, biểu-hiện trên hai hình-thức lưu-chuyển là xác thân biến-chuyển và ý-thức lưu-động.

Vì lẽ đó mà so sánh “người hành đạo” với “gỗ trôi” thật là một biểu-tượng rất cụ-thể và dễ hiểu.

II. “Gỗ Trôi Mặt Nước Theo Giòng Mà Đi”

1. “Gỗ trôi” là gỗ không đứng yên một chỗ. So sánh với “người hành đạo” thì xác thân và ý-thức của người ấy, cũng như mọi người khác, đều hằng lưu-chuyển, không đứng yên một chỗ.

2. “Mặt nước” là “nơi gỗ trôi”. Nó là môi-trường để cho gỗ nương tựa, cũng như xã-hội loài người là môi-trường để người hành đạo nương tựa. “Người hành đạo” phải vào đời để hành đạo và tìm đạo, cũng như gỗ phải trôi mặt nước, không thể rời nước mà đi được.

“Phật-pháp tại thế-gian, bất ly thế-gian giác” là điều chắc thực.

3. “Theo giòng”. Đời là nơi thể-hiện mọi mong muốn của người đời, cũng như nước là nơi thể-hiện mọi đợt sóng nhấp-nhô trên mọi giòng nước lưu-chuyển: giòng ngầm, giòng hiện, giòng dọc, giòng xiên, giòng quanh, giòng xoắn, v.v..

“Gỗ trôi mặt nước” phải theo giòng nào?

- Phải theo giòng chính ở giữa lòng sông, đó là dòng biểu-tượng cho chánh-pháp của Phật: đó là dòng hành-nguyện của chư Phật và Bồ-tát vào đời độ-sinh với lục-độ, tứ-nhiếp, vạn-hạnh.

4. “Mà đi” Đi về đâu? Giòng xiên chân-chừ, giòng quanh lẩn-quẩn. Gi dòng chậm-chạp, gi xoắn tằm ở một nơi. Chỉ có gi chính ở giữa, hiện ở mặt nước là đi thẳng, đi mau về biển, cho nên gỗ “đi” là biểu-tượng cho thân tâm người hành-đạo phải theo chánh pháp Trung-đạo của hiền-giáo trong Phật đạo mà “hành”.

Tóm lại, “gỗ trôi, mặt nước theo gì mà đi” là hành-tướng của người hành đạo vào đời làm mê để đem chánh-pháp Trung-đạo hiển-giáo của Phật mà thi-hành cho đời noi theo đó mà tu.

III. Năm Trường Hợp Không Bị Giác Đoạn

1. “Chẳng tấp vào hai bên bờ”

Tấp vào hai bên bờ là xa rời Trung-đạo. Hai bên bờ là bên Có, bên Không, bên Đoạn, bên Thường, bên Phải, bên Quấy, luôn luôn bỏ bên này thì sang bên kia chứ không theo đường chính giữa, Không theo đường chính giữa là bởi chính giữa khó thấy và khó theo hơn một bên. Thật vậy, bên có, bên đoạn, bên phải .. thì dễ thấy trước cái nhìn của con mắt; bên không, bên thường, bên quấy .. cũng dễ thấy theo cái tưởng của tâm-tư.

Không theo cái nhìn của mắt thấy, không theo cái tưởng của tâm tư, mà quay lại nhìn tự-tánh của Mắt (thuộc về Thân), và tự-tánh của tâm-tư (thuộc ý-thức. thì, đúng vào Trung-đạo như thế mới thấy tánh Mắt (vô vi) tánh thức (như huyễn).

2. “Chẳng bị người vớt”

Bị người vớt là bị người dùng “tình dục làm mê hoặc”, không còn sáng suốt để đi theo chánh-đạo nữa. Tình là do thức, dục là do thân. Thân và thức của thế-nhân chỉ hưởng về tự-kỷ mà hoạt động, nên cái làm, cái biết của họ rất gần và rất dễ: họ thấy “gỗ trôi” là họ “vớt” ngay, vì nếu gỗ có chỗ dùng của nó là để đốt lửa và làm nhà, thì người hành-đạo là người tốt hơn kẻ khác, nên chỗ cùng của người ấy hẳn là đủ nhiệt thân để sưởi ấm lòng hieu-quạnh và đủ ân-tình để làm nơi nương tựa cho kẻ cô-đơn.

Bởi vậy, người hành đạo phải tránh tình-dục như kẻ mang rơm cần tránh lửa. Có thể mới khỏi bị người ta vớt nửa chừng.

3. “Chẳng bị quỷ thần ngăn trở”

“Bị quỷ thần ngăn trở” là “bị tà-giáo, ngoại đạo làm nhiễu-loạn” khiến cho lẫn-quẫn, ngăn-ngại, không thông suốt để thẳng đường mà đi.

Tà-giáo thường do bọn quỷ đói, tự thấy thiếu thốn nên tạo cảnh thiếu thốn cho đa số ước-ao hưởng-thọ vật chất như chúng, để cùng chúng nổi dạ bất-bình mà hòa nhau tranh đoạt và giết hại, gây cảnh địa-ngục trần gian.

Còn ngoại-đạo là do nhóm thần-linh tự-cao, tự-đại, cho mình tài giỏi hơn đời nên vào đời quyến-rủ những kẻ có thái-độ như họ để kết bè kết cánh cho đông mà uy-hiếp, chèn ép người cô thân, yếu-đuối.

Muốn tránh khỏi bị “tà ngoại nhiễu loạn” thì người hành đạo phải biết thiếu dục, tri túc, tránh sự hơn thua tranh thủ, mà vươn lên bố-thí lúc nghèo nàn, nhịn-nhục không ý mình khi thân tâm mạnh giỏi, có tinh-thần tự-lực, tự-cường thì mới thẳng đường không bị trở ngại.

4. “Chẳng bị nước xoáy làm đứng lại”

“Bị nước xoáy làm đứng lại” là bị dòng đời chạy theo bốn muốn lôi kéo, ràng buộc, khiến phải quanh-quẩn, quay cuồng, mất cả thì giờ tu tập. Tiền tài, ăn ngủ, danh uy là những lôi cuốn xoay vần khiến cho qua năm tháng, ý-chí tiến-thủ bị hao mòn, tính lười trễ tăng trưởng,

sự buông lung ngự-trị. Do đó, khi nước xoáy mạnh, không những không đứng được nữa mà còn bị nước rút sâu xuống vực thẳm, hố nguy, nghĩa là người hành đạo phải bị đọa vào tam-đô ác-đạo.

Muốn khỏi nước xoáy, phải gìn lòng tiến-thủ, chịu đựng kiên-trì, bỏ ý buông lung, răn mình lười trễ.

*Gió bát phong thổi lộng,
Nước tâm thức muốn yên,
Ý hướng ngoại phải kiên,
Chí tự quy mới mạnh.
Uể oải, buông lung thường phải tránh,
Xa lòng ái thú ắt nên người.
Đắng cay cho thế-gian cười,
Đâu bằng hỷ xả cho đời lên hương*

5. “Chẳng bị mục nát”

Gỗ trôi như thân người biến-chuyển thường bị nắng mưa, sương gió, và nhất là những va chạm nặng-nề làm cho sức bền vững phải theo thời-gian mà suy-giảm. Thời-gian là yếu-tố then chốt quyết-định sự đến sớm hay muộn. Muốn tranh thủ thời-tian để khỏi bị tan rã giữa đường thì phải tránh những quanh-quẩn, lênh-đênh, những lệch gi, lạc lối và nhất là tránh những ngăn chận quấy phá dọc đường bằng cách thấm-nhuần nước đại-bi, mặc trường-y nhân-nhục: nội lực vững mạnh thì chẳng lo gì ngoại lực của thời-gian xâm nhập.

Phật dạy: “tu pháp vô vi” là luyện tánh kim-cương để trừ đường ngoại nhập.”

Thật vậy, ý-thức động là do sáu căn thường mở cho ngoại cảnh xâm-nhập: đó là tình-trạng bị sống của thế-nhân. Người hành đạo phải ly-trần (xa lìa bụi trần) bằng cách khoá căn (nhập thiền) để không nhận các pháp thường đến. Tới khi tập tính “ly trần” được thuần thực, lúc bấy giờ không cần khoá căn nữa thì dù pháp có đến cũng như không, sự chấp thủ của tâm không tác-động, pháp sẽ tự nó ra đi, nào có ai kéo mời chi mà ở lại? Thế là ngọc “như ý” thành hình, gương thường-tịch của Tâm-không hiện rõ.

Tu pháp vô vi được thành-đạt như thế thì dù thân tứ-đại có tan rã, kết quả đó cũng không mòn, còn nói chi là bị thời-gian làm “mục nát”.

Tóm lại,

Phật lấy sự ví “gỗ trôi mặt nước theo gi mà đi” để chỉ rõ hành-tướng Trung-đạo của người hành đạo, cần phải tránh né những gì để khỏi phải lệch đường sai lối, hay bị gián-đoạn nửa chừng. Có điều chúng ta phải lưu-ý là: thân hành năng thiên, thức hành năng thủ. Nghĩa là, thân “hành” hay ngã nghiêng, chấp thủ thì mới vượt qua hản bờ mê, thẳng đường về bến ngộ.



HÀNH DỤNG TRUNG ĐẠO

A. Lời Phật dạy

Trong kinh Duy Ma Cật, phẩm thứ II nói về Bồ-tát-hạnh, Phật có dạy cho chúng Bồ-tát ở cõi Hương-tịch một pháp môn gọi là “Chẳng hết hữu-vi, chẳng trụ vô vi” như sau:

Sao gọi là Bồ-tát chẳng hết hữu-vi? Đó là:

- 1) Chẳng lìa đức đại-từ
- 2) Chẳng bỏ đức đại-bi
- 3) Phát khởi sâu vững cái Tâm nhưc-thiết-trí, không hề xao lãng..
- 4) Giáo-hoá chúng sanh, chẳng hề mệt chán,
- 5) Thường xét nghĩ việc tùy-thuận, thi hành tứ-nhiếp pháp.
- 6) Hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng,
- 7) Gieo trồng các căn lành chẳng hề mệt chán,
- 8) Tâm-trí thường được yên vững, đem phương tiện hướng về quả Phật,
- 9) Cầu Pháp chẳng biếng nhác,
- 10) Thuyết pháp chẳng hiểm tiếc,
- 11) Siêng năng cúng Phật,
- 12) Cố vào chốn sinh tử mà không sợ sệt gì cả,
- 13) Đối với sự vinh-nhục, lòng không lo buồn, không mừng vui,
- 14) Chẳng khinh kẻ chưa tu học,
- 15) Kính trọng người tu học như Phật,
- 16) Đối với kẻ chìm đắm trong phiền não, khiến họ phát sanh chánh niệm,
- 17) Xa lánh những cuộc vui chơi, chẳng cho đó là quý,
- 18) Chẳng tham đắm việc sung sướng cho riêng mình, mừng cho kẻ khác được sung sướng,
- 19) Tại các cảnh thiên-định, tưởng đó như các tầng địa ngục,
- 20) Trong cảnh sanh tử, quán tưởng như vườn tược,
- 21) Thấy kẻ đến thỉnh cầu tưởng họ như bậc Thầy hiền,
- 22) Xả bỏ các vật sở hữu với đầy đủ cái tưởng cầu nhất-thiết-trí,
- 23) Thấy người phá giới, khởi cái tưởng cứu giúp họ,
- 24) Xem các pháp ba-la-mật, tưởng như cha mẹ,
- 25) Đối các đạo-phẩm, tưởng như quyến thuộc,
- 26) Phát triển các căn lành, không có giới hạn,
- 27) Lấy các việc nghiêm sức tịnh quốc để hoàn-thành cõi Phật của mình,
- 28) Bố thí vô hạn, đầy đủ tướng tốt,
- 29) Trừ hết các xấu ác, giữ thân, khẩu, ý thanh-tịnh,
- 30) Có ý đồng mãnh chịu sanh tử vô số kiếp,
- 31) Nghe vô số Đức của Phật, chí chẳng mệt mỏi,
- 32) Dùng gương trí-tuệ phá giấc phiền-não,

- 33) Lấy âm, nhập, giới gánh vác chúng sanh, khiến học được giải-thoát vĩnh viễn,
- 34) Lấy đại tinh-tấn dẹp phá binh ma,
- 35) Thường cầu vô niệm thực-tướng trí-tuệ,
- 36) Thi-hành ý muốn, biết đủ, những chẳng bỏ pháp thế-gian,
- 37) Chẳng làm hư-hỏng sai nghi, lại hay tùy tục khởi huệ thần thông dẫn dắt chúng sanh,
- 38) Được niệm tổng-trì nghe rồi chẳng quên,
- 39) Khéo phân biệt các căn, dứt hết chỗ nghi hoặc của chúng sanh,
- 40) Lấy niềm vui mà biện-thuyết, diễn giáo-pháp vô ngại,
- 41) Làm mười điều lành thanh-tịnh, được hưởng phước Trời,
- 42) Tu bốn vô lượng-tâm, được âm thanh của Phật,
- 44) Thân, khẩu, ý lành, được oai nghi của Phật,
- 45) Tu các pháp lành sâu vững, việc làm ngày càng tốt đẹp,
- 46) Dùng pháp đại-thừa, thành Bồ-tát tăng,
- 47) Tâm không phóng dật, chẳng bỏ mất các việc lành, thi-hành các pháp như vậy, gọi là Bồ-tát chẳng hết hữu-vi.”

Sao gọi là “Bồ-tát chẳng trụ vô vi?” Đó là:

- 1) Tu học lẽ không, chẳng lấy lẽ không làm chứng đắc,
- 2) Tu học vô tướng, vô tác, chẳng lấy vô tướng, vô tác làm chứng đắc,
- 3) Tu học vô khởi, chẳng lấy vô khởi làm chứng đắc,
- 4) Quán lẽ vô thường, nhưng chẳng chán cội lành,
- 5) Quán nỗi khổ thế-gian, nhưng chẳng ghét sanh tử,
- 6) Quán lẽ vô ngã, nhưng dạy người chẳng chán,
- 7) Quán lẽ tịch-diệt, nhưng chẳng tịch-diệt mãi,
- 8) Quán lẽ lià xa, nhưng Thân, Tâm tu thiện,
- 9) Quán không chỗ về, nhưng về vui pháp lành,
- 10) Quán lẽ vô sanh, nhưng lấy sanh pháp gánh vác tất cả,
- 11) Quán lẽ vô lậu, nhưng chẳng dứt các lậu,
- 12) Quán không việc làm, nhưng lấy việc hành-pháp mà giáo-hoá chúng sanh,
- 13) Quán lẽ không vô, nhưng chẳng bỏ đức đại-bi,
- 14) Quán chánh pháp-vị, nhưng chẳng theo tiểu thừa,
- 15) Quán các pháp hư-vọng, không tù ngục, không người, không chủ, không tướng, nhưng bốn nguyện chưa tròn, mà phước-đức, thiên-định, trí-tuệ không phải là hư-đốn. Tu các pháp như vậy gọi là Bồ-tát chẳng trụ vô vi.

Lại nữa:

- 16) Bởi đủ phước báu, chẳng trụ vô vi. Bởi đủ trí-tuệ, chẳng hết hữu-vi,
- 17) Bởi đại từ-bi, chẳng trụ vô vi. Bởi tròn bốn nguyện, chẳng hết hữu-vi.
- 18) Bởi nhóm các phương thuốc pháp, chẳng trụ vô vi. Bởi tùy bệnh cho thuốc, chẳng hết hữu vi.
- 19) Bởi biết bệnh của chúng sanh, chẳng trụ vô vi. Bởi trừ bệnh cho chúng sanh, chẳng hết hữu-vi.

B. Nhận xét và suy tư

1. Nhận xét

a. Đếm kỹ các pháp hữu-vi thì được 47 pháp,

Đếm kỹ các pháp vô vi thì được 19 pháp, như vậy, Phật nói nhiều về pháp hữu-vi hơn. Tại sao?

b. Hãy đem chia các pháp hữu-vi ra làm ba loại là:

- (1) Các pháp đối với Phật và pháp xuất thế,
- (2) Các pháp đối với Minh (là người hành-đạo) và đối với thế-gian.
- (3) Các pháp đối với người cầu đạo,

Tạm chia như vậy, theo tiêu-chuẩn “hướng về” của mỗi pháp để loại nào nhiều hơn, loại nào ít hơn, thì kết quả là: trong số 47 pháp hữu-vi có:

- 15 pháp loại a, như: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 11, 19, 24, 25, 27, 28, 35, 38, 43, 46;
- 22 pháp loại b, như: 7, 8, 9, 12, 13, 15, 17, 20, 22, 26, 29, 30, 31, 32, 34, 36, 37, 41, 45, 47;
- 10 pháp loại c: 4, 10, 14, 16, 18, 21, 23, 33, 39, 40.

Như vậy Phật dạy nhiều về phần làm cho Minh nhiều hơn là làm cho người cầu đạo. Tại sao?

II. Suy Tư

1. Trả lời câu thứ nhất: Tại sao Phật dạy nhiều về các pháp hữu-vi hơn là về các pháp vô vi? Chúng ta thấy có hai lý-do:

- một là các pháp vô vi, đã là vô vi thì có gì mà nói? Vả lại, pháp vô vi là chỗ quy-hướng quả người tu. Nó là chân-lý, mà đã là chân-lý thì phong-phú quá, nói mãi không hết, nói làm gì cho nhiều. Nói 19 pháp cũng đủ làm tiêu-biểu.
- hai là các pháp hữu-vi, nói tuy nhiều, mà không nhiều, vì còn tùy duyên về sau, khi hành-đạo sẽ gặp nói làm sao hết được?

Hợp nhất hai lý-do trên, chúng ta thấy: Phật nói pháp vô vi tuy ít mà nhiều; hữu-vi tuy nhiều mà ít. Như thế mới cân xứng giữa hai bên. Vì bên vô vi thì hoàn toàn không có gì cả; còn bên hữu-vi thì bao hàm tất cả, không thiếu pháp nào.

2. Trả lời câu hỏi thứ hai: "Tại sao Phật dạy nhiều về phần làm cho Minh (người hành-đạo) hơn là làm cho người cầu đạo?" Chúng ta thấy có ba lý-do:

a. Hành đạo là phương-tiện để tự độ trong lúc độ tha. Mục-đích của việc hành đạo là: vào đời để thấy **sự** nơi người cho Minh nhập **lý**. Người hành đạo phần nhiều là những người đã hiểu lý, biết lý, nhưng chưa thấy sự, để dùng sự chứng-minh cho lý, cho **sự-lý** được viên-dung. Nên cần phải trải qua nhiều năm, tháng, nhiều sự việc, ở nhiều nơi, nhiên hậu sự **thấy biết chân lý** mới gọi là tròn đủ. Nếu không thì nhiều lúc sẽ hiểu lý mà không biết sự, hay thấy sự mà chẳng hiểu lý. Thế là còn phải tu học.

Người hành đạo thường gặp ba loại đối tượng, đều có tác-dụng tốt đối với Minh, khi Minh làm đứng theo lời Phật dạy.

Phật dạy:

- đối với người tu học, Mình phải kính trọng như Phật (pháp 18); kính trọng được như thế là khi Mình tin chắc rằng người ấy sẽ thành Phật. Lòng tin này sẽ xui mình tiến tu dũng mãnh không lùi rớt.
- đối với người cầu đạo, Mình phải "tưởng họ như bậc Thầy hiền (pháp 21), vì người ấy sẽ đem chỗ thắc mắc của họ đến cho Mình giải-thông, mà giải-thông được là Mình tiến thêm một bước.
- đối với người phá giới, Mình "khởi cái tưởng cứu giúp họ" (pháp 23). Cái tưởng ấy sẽ giữ Mình, không cho Mình phạm giới, vì Mình đã muốn cứu người, chẳng lẽ đối với Mình, Mình lại thả trôi sao?

Những hành động, lời nói, nghĩ tưởng như thế là những hành-dụng có sự tự độ trong chiều hướng độ tha: hai việc không tách rời nhau mà hiệp nhất trong đường lối Trung-đạo.

Phật có dạy rằng: "Tâm đạo nếu hành, đâu cần hành đạo?" Mình không hành Tâm đạo được, nên phải dùng việc hành-đạo như một phương-tiện tự độ. Chứ nếu hành được Tâm đạo, như một tu-sĩ nọ, bị án tử hình, chỉ suy-tư trong một đêm trước ngày bị hành quyết, mà sáng hôm sau đã chứng được quả vị A-la-hán, thì đâu cần phải hành-đạo dài ngày?

b. Giáo-pháp chỉ là duyên-nhân để thành Phật. Ba nguyên-nhân đưa đến quả-vị Phật là: chính-nhân, duyên-nhân và liễu-nhân.

- chính-nhân là tự-tánh của mỗi người.
- duyên-nhân là giáo-pháp của Phật.
- liễu-nhân là lòng tròn tin Mình sẽ thành Phật.

Chính-nhân thì ai cũng sẵn có, khỏi phải bàn đến. Còn lại giáo-pháp chỉ là duyên-nhân; phải có đủ liễu-nhân nữa mới được. Bởi vậy, khi truyền giáo, Phật đã phải nói nhiều cho Mình tin, có tin Mình mới Nghe, suy-tư và tu-tập (Văn, Tư, Tu). Tự Mình phải theo giáo-pháp Phật mà tu lấy, không ai tu giúp cho mình được. Vì sao? Vì điều căn-bản trong việc tu là đoạn trừ ái-dục. Ái-dục là gốc trong lục-đạo, là chất dơ đậm độc làm đục xấu tâm hồn; phải chặt rễ, dứt dây, khử độc, lọc dơ, thì phàm tâm mới thành thánh tánh. Công-phu khó-khăn bền-bĩ ấy phải do chính mình tự nguyện, tự giác thành khẩn thực-hiện một cách cương-quyết, như người tự chặt đầu mình thì con người phàm mới tự tiêu để con người thánh tăng trưởng.

Như vậy, tròn tin để tự-quyết là nguyên-nhân hữu-vi chính-yếu, quyết định sự thành công, còn giáo-pháp của Phật là hạt giống quý, nhưng nếu nó không gặp mảnh đất thuận-lợi thì nó sẽ nường vào đâu để phát-triển thành cây Bồ-đề tươi tốt?

Bởi vậy, trong thời mạt-pháp này "chỉ còn có một Đức Tin" thôi, chứ "Tín hiệu" ra đời mà không mấy ai đọc thì làm sao có người thành Phật được?

c. Dùng giả-pháp để trừ giả-pháp mà không chán.

Phật dạy nhiều về phần Mình phải làm cho Mình hơn là cho người cầu đạo, để Mình biết dùng Tưởng diệt Tưởng, tức là dùng giả-pháp trừ giả-pháp, mà không chán.

- Thế-nhân, vì tình riêng, tưởng quý mà phải chịu sanh tử luân hồi. Người muốn đạt đạo, ngoài việc phải diệt-trừ ái-dục như đã nói trên đây, còn phải xa lìa vọng tưởng để được

Tâm không. Nhưng khi đã biết Tâm không rồi, lại phải dùng Tưởng để vào đời mà không chán, như: "Trong cảnh sanh tử, quán-tưởng như vườn tược (pháp 20), hoặc để có thái-độ thích-ứng trong lúc hành đạo và tiến tu, như:

- "Kính trọng người tu học như Phật (pháp 25)
- "Thấy kẻ đến thỉnh cầu, tưởng họ như bậc Thầy hiền (pháp 21).
- Phật vì lòng đại-bi thương xót chúng sanh vô hạn, lại thấy biết phàm tánh của người hành đạo hãy còn ở dưới nhiều hình-thức vi-tế, nên ngài dụng ý căn dặn nhiều, để dự-bị cho họ một tinh-thần kiên-cường dẫn thân, không hề nản lòng, nhụt chí hay sợ sệt, như:
 - "gieo trồng các căn lành chẳng hề mệt chán."
 - "cố vào chốn sanh tử mà không sợ sệt gì."
 - "tâm không phóng-dật, chẳng bỏ mất các việc lành", v.v..

Phật là người, hơn ai hết, đã thấy rõ các pháp xuất thế-gian của Ngài đều là những phương-tiện tạm dụng, rồi sẽ bỏ khi thành đạo. Chính Ngài đã nói: "Ta xem pháp vô thượng thừa như mộng thấy vàng lụa, xem Phật đạo như hoa đốm trước mắt." (Kinh TTNC, Ch. 42). Như vậy, các pháp xuất thế-gian đều là các giả-pháp, mà nếu không dùng thì còn có cách gì để đưa người mê ra chỗ tỉnh? Cho nên biết tận-dụng nó và dùng xong lại phải bỏ, thì Tâm mới "không ràng buộc nơi đạo" và được "giải-thoát tri-kiến" hoàn toàn.

Tóm lại, Phật dạy nhiều về phần làm cho người hành đạo hơn là làm cho người cầu đạo, vì ba lẽ:

- một là để cho người hành đạo thấy việc hành đạo là phương-tiện tự độ trong chiều hướng độ tha, nên phải chăm lo cho tròn.
- hai là để cho người hành đạo tin vào giáo-pháp của Phật để tự-nguyện, tự-giác diệt trừ ái-dục, là gốc phàm tâm, chứ giáo-pháp Phật chỉ là duyên-nhân, nếu không có mảnh đất tròn tin, nó không thể thành cây Bồ-đề tươi tốt.
- ba là để cho người hành đạo biết dùng giả-pháp trừ giả-pháp mà không chán. Vì chính pháp chỉ là phương-tiện để đưa người ra khỏi sông mê. Khi đến bến ngộ phải buông xả tất cả thì mới thật là được hoàn toàn "giải thoát tri-kiến."

III. Kết Luận

Phật dạy pháp-môn "chẳng trụ vô vi, chẳng hết hữu-vi" là hành dụng Trung-đạo để cho Bồ-tát hay người từng-nguyện chẳng trụ tâm không vô tác vô tướng mà dẫn thân vào đường hành nguyện để lấy **sự** chứng-minh **lý**, cho **sự-ly** viên-dung, hoàn-thành việc tự-độ trong chiều-hướng độ tha, không phân bỉ-thử, và dùng giả-pháp trừ giả-pháp mà không chán, lại tròn tin, tự mình dứt sạch hết ái-dục cho giáo-pháp Phật gặp đất thuận-lợi nuôi giống Bồ-đề thành cây tươi tốt.



LÝ TÁNH TRUNG-ĐẠO

A. Lời Phật dạy

I. Phật dạy (Kinh Tứ Thập Nhị Chương, ch. 40)

"Bậc Sa-môn hành-đạo không như con trâu kéo xe, thân tuy hành-đạo mà Tâm-đạo chẳng hành; Tâm-đạo nếu hành, đâu cần hành-đạo." (Sa-môn hành-đạo, vô như ma ngư, thân tuy hành-đạo, tâm-đạo bất hành, tâm-đạo nhược hành, hà dụng hành-đạo?)

1. Trong chương 18, Phật dạy:

"Pháp của Ta, nhớ là nhớ cái **không-nhớ-gì-cả**, làm là làm cái **không-làm-gì-cả**, nói là nói cái **không-nói-gì-cả**, tu là tu cái **không-tu-gì-cả**. Kẻ biết rất gần, người mê rất xa, dứt đường ngôn-ngữ, chẳng có vật gì bắt được, sai trong hào ly, mất trong giây lát." (Ngô pháp, niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu, hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ. Ngôn-ngữ đạo đoạn phi vật sở câu, sai chi hào ly, thất chi tu du.)

B. Tâm-đạo hành

1. Tâm-đạo nếu hành, đâu cần hành đạo.

a. "Thân tuy đi đường mà Tâm không đi" ấy là hoàn-cảnh của con trâu kéo che¹. Thân nó bị người ta bắt buộc phải làm việc cực-nhọc, Tâm nó đâu có thích làm, nên nó chỉ miễn-cưỡng làm cho xong, cho hết giờ để rồi nghỉ ngơi: thân đi một đường, tâm đi một nẻo; thân tâm bất nhất, tất nhiên làm việc không như ý muốn của người.

Người hành đạo nếu cũng ở vào hoàn-cảnh tương tự, nghĩa là:

- thân lễ bái mà tâm không lễ bái;
- thân tụng kinh mà tâm chẳng tụng kinh;

thì việc lễ bái, tụng kinh chỉ là hình-thức lăng-xăng bên ngoài, có khác chi việc giả gạo hay nhịp chân ca hát. Thật là chẳng ra làm sao.

b. Ngược lại, "đường Tâm nếu đi, đâu cần hành đạo?" Nói thế là nghĩa làm sao?

Làm đạo, theo nghĩa thông thường là: lễ bái, tụng kinh, ngồi thiền, giảng-giải đạo lý, làm việc phước thiện như bố-thí, phóng sinh, in Kinh, đúc tượng xây chùa, dựng tháp, v.v.. Đó là những việc làm của thân, miệng, có hình tướng, có âm thanh, cho người đời nghe, thấy, để noi theo đó mà làm, tránh bớt những việc làm gây thêm tội lỗi của thế-tục.

Nhưng "đường Tâm nếu đi" thì những việc đó chỉ là những việc cần-thiết lúc ban đầu cho những kẻ sơ cơ. Đến lúc người cầu đạo muốn đi mau đến đích hơn thì phải vào đường Tâm mà đi.

¹ Che là hai khúc gỗ tròn, to, có đục răng cửa ăn khớp nhau làm thành máy ép dùng để ép mía ở miền Trung trước đây.

2. Vào đường Tâm

Vào đường Tâm là dùng Tâm-trí suy-tư để quán chiếu các pháp cho thông đạt lẽ đạo nhiệm-mầu.

Lẽ đạo gốc ở nguồn Tâm, mà nguồn Tâm là Tánh của các pháp, do 12 món nhân-duyên đưa đến.

Mười hai món đó là:

- Vô minh, Hành: thuộc đời quá khứ;
- Thức, danh-sắc, lục-nhập, xúc, thọ, ái, thủ, và hữu: thuộc về đời hiện tại;
- Sanh và lão tử: thuộc đời vị lai.

So sánh nhân, quả ba đời ta thấy:

- Nhân của ba đời là: vô minh, thức, sanh;
- Quả của ba đời là: hành; danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu; và lão tử.

Quả ở đời hiện tại có bảy món. Bỏ bớt hai món không tạo-tác, mà chỉ làm duyên cho các món khác như: danh-sắc và hữu thì còn năm món. Trong năm món này thì lục-nhập, xúc, thọ có thể dồn chung lại thời hiện tại chỉ còn ba món là: thọ, ái và thủ.

Nghĩ rằng: ba thời điểm liên tiếp nhau cũng có đủ ba đời, thì nhân gồm vô minh, thức, sinh; quả gồm hành, thọ, ái, thủ, lão, tử.

Diễn giải thành lời hợp lý, ta có thể nói hai cách:

- thuận hành: vô minh tức thức sinh, mới có hành là thọ, ái, thủ để phải chịu lão tử.
- nghịch hành: khổ lão tử là do thọ, ái, thủ, tức là những hành sự làm cho sinh thức, tức vô minh.

Vậy, muốn thoát khỏi cái khổ lão tử, ta chớ nên thọ, ái, thủ; không làm các hành mà sự đó thì thức không sinh, tức là hết vô minh.

Thật thế, thức sinh như các đợt sóng nhấp nhô làm cho mặt nước không trong sáng. Thức không sinh giống như các sóng lặng im, mặt nước yên tịnh trở nên trong suốt.

Mặt nước yên tịnh, trong suốt ví như cái Trí tịch-chiếu. Sóng nhấp nhô ví như cái thức biến-động.

Sóng lặng nước yên là thức hiện hành trí. Như thế là: trở về với bản thể thanh-tịnh.

Muốn trở về với bản-thể thanh-tịnh đó, ta nên nhớ là: chớ thọ, ái, thủ.

Không thọ lấy gì mà ái?

Không ái lấy gì mà thủ?

Bởi vậy, ta chỉ cần luôn luôn xả thọ, dứt ái là sẽ được giải-thoát. Đó là vào đường Tâm mà đi, đâu cần phải hành đạo!

Tóm lại, "Tâm đạo hành" là dùng Tâm-trí quán lý thập nhị nhân duyên để trở về với bản-thể thanh-tịnh hay tự-tánh thanh-tịnh Tâm.

Trong phép quán này, có ba chương ngại là thọ, ái, và thủ mà gốc là ái, vì có ái mới có thủ. Có ái mới có thọ. Nếu không ái thì thọ và thủ để làm gì? Cho nên hễ dứt được ái-dục thì lòng

ái-mạng sẽ tiêu và thân đi hành đạo mới hành mà không chán, chẳng như con trâu kéo cày. "Thân hành đạo mà Tâm không hành đạo."

Có hành mà không chán, mới vào đời nêu gương cho người đời theo đó mà làm mọi Phật-sự lúc ban đầu, để tập tính "ly trần" cho thuần-thọc. "Ly trần" thuần-thọc rồi mới theo đường Tâm mà đi để thực sự vào Đạo, được giải-thoát.

C. Vô Niệm, Vô Hành, Vô Ngôn, Vô Tu

I. Vô Niệm

"Niệm vô niệm niệm" là nhớ cái **không nhớ** gì cả. Không nhớ gì cả là vô tâm. Đang bận tâm mà muốn trở thành vô tâm, thì ban đầu phải nhớ cái vô tâm, đến lúc thuần-thọc rồi thì cái nhớ vô tâm đó cũng bỏ đi mới thực sự là vô tâm hoàn toàn.

1. Kiểm chứng: Muốn đến cái kết-quả cuối cùng này thì phải tập quán vô tâm, như ngâm các câu thơ:

*Nhạn bay qua quăng không gian,
Bóng chim phản chiếu trong làn nước xanh.
Nhạn không ý gửi bóng hình,
Nước không lòng giữ dáng hình nhạn bay.*

Ngâm với sự chú ý đặc biệt là: miệng đọc, tai nghe, ý theo lời thơ mà "nhập cảnh".

"Nhập cảnh" đến khi nào thấy sự việc gì xảy ra trước mắt, tâm mình cũng cho đo là "nhạn bay qua", lòng mình như "làn nước xanh" phản chiếu, nhạn qua rồi lòng vẫn sạch không. Được như thế, lâu ngày chầy tháng, mình sẽ hoàn toàn trở về với bản-thể tâm thanh-tịnh vô vi bất động.

2. Hành Trình: Muốn đạt đến "bất động địa" này, phải trải qua "viễn hành xứ" một thời gian rồi mới được. Vì sao?

Vì tập tính của thế-nhân là nhớ: nhớ lúc thức, nhớ lúc ngủ, nhớ lúc đi, đứng, nằm, ngồi, nhớ luôn cả khi đang làm việc. Nhớ gì? Nhớ mình, nhớ người, nhớ hoàn-cảnh đang sống, nhớ việc đã qua, nhớ việc sắp đến của mình dự tính, v.v...

Lúc vào Phật hội thì nhớ kinh, nhớ kệ, nhớ câu Thầy dạy, nhớ lời bạn khuyên, nhớ giữ giới, nhớ ngồi thiền, nhớ công phu lục độ, nhớ xả phú cầu bần, nhớ xả thân cầu đạo... Nhiều khi nhớ đủ mà làm thiếu thành bê trễ, tự thấy không tiến-bộ. Lại so sánh mình với người không tu, tự thấy mình khổ hơn người, liền nảy ý thương mình, đâm ra chán nản, lại muốn theo người đời cho bớt khổ mà thành ra buông-lung, phạm giới, .. sa đọa. Đó là nói những kẻ không kiên-tâm, trì-chí, còn thả mình chạy theo bốn muốn như thế-nhân.

Ngược lại, những người quyết-chí tiến tu, không ngày nào là không tự duyệt xét, không tự sám hối, không tự răn mình bỏ lỗi này, xa lầm nọ, mãi nhìn mình vào nhìn người: thấy người tốt gắng theo, thấy người xấu tự dặn mình không bắt chước; những lúc nhàn rỗi, hay ngay khi phải làm ăn vất-vả, bận rộn, trong tâm trí họ luôn luôn có một câu hỏi về đạo lý để tự mình phải giải-đáp cho thông: thế gọi là suy-tư để mở thông trí-tuệ.

Suy-tư có kết quả tốt là tự mình bỏ được mọi cố chấp, mọi định-kiến của mình để đi đến chỗ xả bỏ tất cả, không còn chấp cái gì trong tâm cả, nghĩa là không còn nhớ gì cả.

3. Hành Nguyện: Đến ngày có trí-tuệ căn-bản, biết được tự-tánh vốn không, nhưng chưa thân chứng được tâm-không, thì phải dẫn thân hành đạo, gánh vác việc Phật sự, để trả bốn trọng ân, để hoàn-thành việc tự độ trong đường lối độ tha, không phân chia bỉ-thử, vì tự biết mình chỉ là một giả-tướng đang còn mang nhiều giả-tưởng, phải nhờ người đời thể-hiện các phàm tánh cho mình tự soi theo đường lối "thấy người mà nghĩ đến ta" để dứt "sạch hết phàm mới thành bậc Thánh" được.

Đó là một lối "viễn hành" nghĩa là đi xa, đi sâu vào đời trong bước đường hành đạo, để tự độ và độ tha cho đến ngày hoàn-mãn.

4. Phương Tiện: Còn một lối thứ hai do Phật chỉ dạy, trong câu: "Tâm đạo nhược hành, hà dụng hành đạo", nghĩa là "nếu đi vào đường Tâm, hà tất phải dùng hình thức hành đạo?" Do đó, không phải hành đạo, cứ theo đường Tâm mà đi thì đi thế nào mới đúng là đi xa để đến chỗ bất động?

- Có thể dùng lối "quán vô tâm" như đã nói trên kia chăng? Chúng ta thấy lối quán vô tâm là lối thường, dễ làm, dành riêng cho những kẻ có thì giờ thông-thả. Vả lại, lối này còn có ngậm thơ, là còn tạo tác với cái miệng, chưa đi hẳn vào đường Tâm.
- Đi hẳn vào đường Tâm một cách dứt khoát và quả-quyết hơn là lối "thiền xả". Trong vòng 49 ngày luôn luôn tịnh-khẩu, ở một nơi cố-định, mọi việc ăn uống ngủ nghỉ đều có người thu xếp cho, để "tịnh thân" không phải làm gì cả. Cả ngày chỉ đo vào đường Tâm tức là chỉ suy-tuy theo một vài khẩu-quyết, như câu:

Giữ Tâm hoàn-toàn thanh-tịnh, nhưng nó muốn gì mặc nó.

Hoặc câu:

Tiền oan nghiệp-chướng muôn đời,

Đây gương "minh-cảnh" khôn rời sáng soi.

Suy-tư thấy có gì lạ thì viết ra, rồi suy-tư nữa, hoặc nhập "thiền quán" theo phương châm "định huệ đồng tri" để trong tịnh quán xét mọi tình-tiết thấu đáo thì các tính "lặng thình mà nhìn mọi sự vật biến-chuyển với cái Tâm-không, không dính mắc" chắc chắn sẽ thành-tự. Thành-tự được như một vị thiền-sư nọ: "Thấy nguyệt tròn thì kể thán, nhìn hoa nở mới hay Xuân." thì thật là thanh thoát!

Qua 49 ngày mà được như vậy là có kết quả tốt.

Tóm lại, vô niệm là không nhớ gì cả. Hoàn-toàn không nhớ gì thì gọi là vô tâm, vô tư. Vô tâm đến độ: "sóng đời chẳng gợn mảy may lòng" thì thật là tuyệt-đích. Ta có thể đạt đến kết quả đó bằng ba cách: thứ nhất là hành-đạo, thứ hai là vô tâm và thứ ba là thiền-xả.

Cách thứ nhất là của Thông-giáo, vừa tự-độ vừa độ tha. Cách thứ ba là của Biệt-giáo chuyên lo tự-độ. Cách thứ hai là Trung-đạo đi vào đường đời mà không dính mắc với đời. Đi vào đường Tâm mà chưa hẳn là chuyên tâm.

Dùng cả ba lối cũng có thể gọi là Trung-đạo, vì không Thông, không Biệt, mà cũng có Thông, có Biệt phối hợp nhau.

II. Vô Hành

"Hành vô hành hành" Làm là làm cái không làm gì cả.

1. Dẫn Chứng: Một câu chuyện đạo-lý kể rằng: có một hành giả đi đến một nơi hoang-vắng, gần núi đồi, xa xóm làng, đô-thị. Chẳng ai biết ông đến đó để làm gì. Nhưng có một người tò-mò theo dõi. Người này thấy ông ta nhìn trời, mây, non nước, rồi thong-thả đi bách bộ dưới chân đồi, không tỏ vẻ chờ đợi, cũng không lộ ra cách muốn tìm kiếm vật gì, nơi nào hay cảnh trí nào ... Người tò-mò mới đến gần hành-giả và hỏi:

- Thưa ông, ông làm gì ở đây vậy? Ông có cần gì không?
- Không, tôi chẳng cần gì cả.
- Không phải ông xem phong cảnh à?
- Không!
- Không phải ông đi tìm cây, lá, hoa gì trong núi sao?
- Không!
- Không phải ông đi tìm đường hay đi về một nơi nào à?
- Không!
- Không làm gì cả sao ông lại ở đây?
- Ở đây cũng phải có mục-đích sao?
- Theo tôi thì . . . chắc là ông đi chơi.
- Ông đoán lầm rồi! Thôi xin chào ông.

Thế là hành-giả tiếp tục "công việc" của mình, bỏ mặc người kia đứng ngơ ngác.

Thế-nhân đa số chủ-quan, cứ tưởng ai cũng như mình, phải làm một việc gì đó thì cuộc sống mới có ý-nghĩa. Theo họ thì "đi chơi" cũng phải có ý-nghĩa, cùng nhắm đến mục-đích nào đó. Thật là ràng buộc, chẳng thanh-thoát chút nào!

2. Đặt Vấn Đề: Thử hỏi: Người đời sinh ra để làm gì?

Trả lời câu này là phải "đi xa", phải nói nhiều, và nói cho hay người ta mới thoả-mãn, nếu không thì ít ai biết là nói cái gì. Không trách nào chữ Nho có câu: "Bất ngôn tùy tri kỳ chi. Ngôn nhi vô văn, hành nhi bất viễn" (Không nói thì ai biết việc gì, Còn nói mà không văn-hoá thì đi xa làm sao được.)

Vậy xin mời các bạn đi xa một chuyến cho vui.

Theo ý của chúng tôi nghĩ thì chúng ta sinh ra ở đời, chẳng ai mà không có mục-đích. Các bạn cũng chớ vội nôn-nóng mà cãi lại. Người thì nói tôi vì bản thân tôi, vì người yêu của tôi. Tôi vì gia-đình tôi, vì sự nghiệp của cha ông tôi. Kẻ khác bảo: tôi vì quốc-gia tôi, vì dân-tộc tôi đang bị trị. Hoặc tôi vì xã-hội lắm bất công đáng thương cảm lắm. Hay tôi vì đời mê-lắm, nên phải vào đời cứu-khổ, giải mê, v.v...

Các bạn có nhiều mục-đích xác-đáng lắm, không ai chối cãi được. Nhưng ngoại trừ những vị vì miếng cơm manh áo phải quần-quật quanh năm suốt tháng để tự nuôi sống bản thân thì mục-đích vị kỷ của họ đã quá rõ. Riêng người có của ăn của mặc, nhưng nếu cứ để cho họ "ở không" suốt một thời gian dài 10, 20 năm, . . . thì hỏi họ có khi buồn chẳng? Họ không buồn vì vợ yếu con đau, vì bạn bè thân-thuộc là những kẻ có liên-hệ với họ, phải gặp cảnh này việc

nọ thì họ cũng buồn cho đời mình: Sống vô vị như một vật thừa thải trên thế-gian này, đến không ai hay, đi không ai biết. Sống làm gì đây! Những lời âm-thầm của lương-tâm tự vấn khiến họ buồn. Thế rồi, bất thành linh một hôm:

Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.

Mỗi vị đã tự tìm ra cho mình một lẽ sống, sống làm sao cho đời mình có ý-nghĩa. Và từ đó các lý-do, các mục-đích bạn nêu ra, như đã kể trên kia khiến cho họ cảm thấy vui sống, hoạt-động không ngừng nghỉ.

Các bạn có biết ai đã xui sử các bạn hoạt-động tích-cực như thế chẳng? Ai?

Chớ vội-vàng mà trả lời rằng: Ông này, vị kia đã xúi giục, đã nêu gương cho chúng tôi làm theo." Nói như vậy là nông-nổi, hời-hợt. Đúng đắn hơn thì nên đáp rằng: "Chính tôi sai sử tôi chứ có ai sai khiến tôi được!"

Nói như vậy cũng chưa chính xác lắm. Vì sao? Vì tôi là cái gì mà có sức-mạnh như vậy? Thân ư? Khẩu ư? Lý ư? Cái gì thấy Lý? Đúng là ý-thức tôi thấy phải làm như vậy mới hợp lý. Phải rồi. Ý-thức bạn sai sử bạn hoạt-động cho đời bạn có ý-nghĩa, cho bạn đỡ buồn! Thế mà bạn đã nói: Tôi vì thế này, Tôi vì thế kia ... muôn lẽ!

Nhiều lúc chúng ta không sâu-sắc, không thành-thật đối với chính mình, chúng ta không thấy cái Ta sâu kín ở trong ta. Cái Ta sâu kín ấy là cái Ta vị-kỷ, cái Ta giả-tưởng do ý-thức dựa vào hình bóng mà nhận lầm. Bởi Ta tưởng có Ta, nên mới làm việc này việc nọ, cho Ta đỡ buồn, cho Ta vui. Nhưng Ta nào có vui được. "Trượng phu" động lòng bốn phương như Từ-Hải sau khi thành công trả ân, trả oán cho Kiều rồi chính mình cũng vì Kiều mà "đem thân ra bỏ chiến trường, để lại lăm buồn thương cho người còn sống.

Vậy là thế-nhân ai cũng vì Minh mà hoạt-động, lại tự lừa-dối mình bằng những lý lẽ vị-tha giả-tưởng, thì thử hỏi: Người đời sinh ra để làm gì? Có Từ Hải hay không có Từ Hải thì sao?

Nếu ai cũng sinh ra, lớn lên, làm ăn, rồi già chết để chỗ cho kẻ khác cũng làm như thế, thì "cái làm" của họ có gọi là làm một việc gì cho ai chẳng?

Còn như chư vị giác-ngộ xuống đời tự thấy không có mình, làm mọi việc lợi-lạc cho chúng sinh, mà làm đâu bỏ đó, chẳng nhớ, chẳng kể bởi đã biết rõ tất cả các pháp hữu-vi đều như mộng như huyễn thì "cái làm" của chư-vị ấy có gọi là làm một việc gì chẳng?

Đứng về mặt chân-lý mà nói thì việc làm của cả hai hạng nói trên đều không gọi là làm một việc gì cả. Vì sao? Vì thế-nhân làm cho Minh nên thật sự là có làm gì cho ai. Còn chư-vị giác-ngộ làm mọi việc cho chúng sinh, nhưng chư-vị tự thấy không có Minh, không có Người, không có ai làm việc gì cho ai cả, thì sao lại nói là có làm một việc gì.

Song đứng về mặt thế-nhân mà nói thì bởi họ thấy có họ, nên thấy có tất cả các việc làm của họ và đồng-thời họ cũng thấy có tất cả mọi việc làm của các bậc Giác.

Do đó, không đứng hẳn về mặt chân-lý, cũng không đứng hẳn về phía thế-nhân, người hành-đạo đứng ở chỗ Trung-đạo mà nói thì việc làm của họ là làm cho Minh và cho mọi người thấy rõ "cái không làm" của mỗi một.

Tóm lại, cái mục-đích mà mỗi thế-nhân tự đặt cho mình để theo đó mà "làm" cho đời mình có ý-nghĩa chỉ là cái giả-tưởng làm đối-tượng cho một giả-tưởng khác là cái Ta của mỗi một.

Bởi họ tự thấy có họ nên đồng thời họ cũng tự thấy các việc làm có mục-đích xác-thực của họ. Còn bậc-giác không thấy có Minh, không thấy có chúng sinh, không có một việc gì cả, cho nên mọi việc làm của chư-vị đều gọi là làm mà không làm.

Đứng vào chỗ Trung-đạo mà nói thì người hành-đạo vào đời, làm mọi Phật sự, không phải cốt để cho thiên-hạ thấy có việc làm mà cốt là để cho Minh và mọi người thấy rõ cái làm mà không làm gì cả kia, cho nên mới nói rằng "làm là làm cái không làm" đó.

Vui hoài

Làm sao cắt nghĩa được đời người?

Có nghĩa gì đâu một cuộc chơi!

Đã trót sinh ra đành phải sống,

Sống không vị-kỷ mới vui hoài.

III. Vô Ngôn

Ngôn vô ngôn ngôn (tức là "nói là nói cái không-nói gì cả").

Cái không nói, chính vì nó không nói, cho nên chẳng ai biết nó là cái gì, ở đâu. Do đó, phải có người nói, nói nhiều, nói hoài, nói mãi cho đến khi ai ai cũng trực-nhận được cái không-nói kia, mới thôi không nói nữa.

Nhưng Người nói là ai? Nói cái gì mà phải nói nhiều? Nếu cái không-nói là cái không có gì cả thì lấy gì mà nói nhiều và nói như thế nào cho người ta nghe mà hiểu được? Đó là những vấn đề cần phải thông-suốt.

1. Vấn đề thứ nhất là Người nói

Người nói đúng phải là người đã thấy cái không-nói kia mới dùng lời mà chỉ vẽ cho người khác thấy biết hoặc hình-dung ra được.

Nhưng sự "thấy" ở đây không phải là thấy với đôi mắt, cũng không thấy với cái ý-thức thường xao-động vì ngoại cảnh chi phối. Bởi thế, ai lấy mắt mà nhìn, hay dùng ý-thức mà quan-niệm đều không thể thấy được. Cũng như con cá ở dưới nước, chưa bao giờ lên cạn mà sống như con rùa, nên khi con rùa nói "ướt" thì nó hiểu được vì có thực-tế nó thường đụng chạm đến. Còn nói "khô" thì nó không hiểu được, vì nó chưa biết cái khô là gì, ra làm sao. Do đó, con rùa phải tạm dùng hai chữ "không ướt" để chỉ cái "khô" kia. Nếu con cá có thiện-chí muốn tìm hiểu sự-thật, nói phải phủ nhận tất cả các định-kiến của nó để một phần nào hình-dung ra cái "khô" mà thôi, chứ nếu nó lười suy-nghĩ thì chắc chắn là suốt đời nó, nó không hiểu được cái "khô" là gì.

Đó là nói về cái thấy của hai cá-vị ở hai cảnh-giới khác nhau, khó nói cho nhau thông cảm được. Huống chi cái không-nói không có hình-tướng nào cả, lại hiển hiện ở khắp nơi, nhưng không nơi nào có thể dùng để chỉ đích-xác được, cho nên thật sự là rất khó nói.

Tuy thế, người nói đã biết, đã thấy, đã sống trong cái không-nói đó, cho nên Người sẽ có đủ phương-tiện để giảng-giải cho mỗi một có thể hiểu được, nếu người nghe không chủ-quan, không hời-hợt, mà có đầy đủ quyết-tâm muốn tìm hiểu sự thật.

Người nói đó, không ai xa lạ chính là đức Phật hay chư-vị giác-ngộ và các đệ-tử của Ngài, khi các vị này được minh-tâm kiến-tánh.

2. Vấn đề thứ hai là nói gì và nói như thế nào?

Vấn đề được đem ra nói là nói về Tâm hay nói về Pháp. Nói về Tâm là nói từ **tánh** đến **tướng**, từ gốc đến ngọn, hay từ chân-lý đến hiện-tượng. Còn nói về Pháp là nói từ hiện-tượng đến chân-lý, hay nói từ ngọn đến gốc, từ **tướng** đến **tánh**.

Nhưng dù nói cách nào chẳng nữa thì mục-đích chính cũng là "nói cái không-nói gì cả" tức là nói về Tâm, hay cái chơn-tánh không Tánh của vạn pháp. Vạn pháp tuy nhiều, nhưng tất cả đều có chung một Tánh là vô vi, vô dục, vô ngôn, vô hành, vô khởi, vô niệm. Phật đã cho tam pháp-ấn là "không, vô tướng, vô tác" để căn-cứ vào đó mà trực-nhận chân-tâm, khỏi lạc tà đạo. Chơn-tâm hay cái chơn-tánh không tánh là thực-tánh của mọi chúng sanh vô tình và hữu tình, trong đó có loài người. Song loài người lại tự vọng chấp là Mình không như vạn vật ở ngoại cảnh: Mình có cái biết khác với ngoại vật vô tri. Từ đó, người và vạn hữu cách biệt nhau như trời xa với đất, trong lúc thật sự thì con người vẫn ở trong trời đất, vẫn phải chịu sự chi-phối của trời đất, không thể ra ngoài trời đất mà tự sống riêng rẽ được. Mối mâu-thuẫn này là do sự nhận-định sai lầm của con người mà ra. Nó đã làm cho con người phải đau khổ qua bao nhiêu thế-hệ thăng-trầm mà không có lối thoát.

Vì muốn chỉ chỗ mê lầm cho loài người dứt khổ và được giải-thoát, tự-tại, chư-vị giác-ngộ phải tốn không biết bao nhiêu là công-phu kiên-nhẫn, qua không biết bao nhiêu thời gian, giữa không gian vô tận như một bà mẹ quá thương con điên-dại, lạc-loài, đã phải chạy theo con, kêu gọi để con tỉnh mê hết dại mà trở lại nhà cùng mẹ cha yên-vui sum-hợp.

Do đó, lời nói của mẹ thương con bao giờ cũng chỉ có một vị ngọt-ngào, như nước đại dương ở đâu, bao giờ cũng có một vị mặn.

Người hành đạo nương theo tình-thương không bờ bến của chư Phật và Bồ-tát đối với chúng sinh, phải nói làm sao cho chúng sinh nghe lọt tai để họ tự tỉnh?

Cái khổ không phải là ở chỗ không thể nói được, mà chính là ở chỗ con người mê-lầm, thường hay tự-cao, tự-mãn, tự cho mình là đúng là phải, không cần nghe ai, theo ai nữa, cho nên đức Phật cũng vì lòng thương chúng sinh vô hạn lượng mà dạy rằng: người hành đạo phải: "vào nhà đại-bi, mặc y nhần-nhục, ngồi toà pháp không, ở đó vì Người mà nói." (Kinh Pháp Hoa..

Có lòng đại-bi mới nói mãi mà không chán.

Có mặc áo nhần-nhục mới chịu được những cảnh bị chê-bai hay huỷ nhục mà không sồn lòng.

Có ngồi toà pháp không mới không chấp tướng mà nghĩ có Mình làm và có việc làm để kể công.

Có vì Người mà nói, mới quên cái giả-tướng có Mình, để thể-nhập vào cái Tâm không của tự-tánh.

Tóm lại, nói cái không-nói là nói về Tâm hay chơn-tánh của các pháp. Các pháp có chơn-tánh là không-tánh, tức vô tâm, vô tư. Nhưng con người là một pháp trong các pháp, lại cho mình là có Tâm có Tánh riêng, cho nên đã phải đau-khổ vì mê lầm.

Đức Phật có lòng thương xót chúng sinh như con đẻ, dạy người hành-đạo phải khởi lòng đại-bi, mặc y nhần-nhục, ngồi toà pháp không, vì Người mà nói pháp thì mới có thể khiến cho họ nghe lời Phật dạy mà quyết chí tu-tập để quay về với tự-tánh, mới hết mê lầm và thoát khổ.

Người hành đạo tâm trụ pháp không mà phải dùng tướng Có để nói Pháp, tức là ở vị-thế Trung-đạo để đưa từ Có về Không cho người nghe tìm về chơn-tánh của mình, cũng như của vạn pháp. Nói năng như thế là nói để chỉ bày cái không-nói của tự-tánh, cho nên làm vậy gọi là "nói cái không-nói gì cả" đó.

IV. Vô "Tu vô-tu tu" (Tu là tu cái không-tu gì cả)

1. Cái không-tu là gì?

Không tu gì cả là cái chơn-tâm, hay pháp-tánh của vạn pháp. Chơn-tâm và pháp-tánh là hai danh từ chỉ chung một Tâm, nhưng bị chia hai vì tướng pháp trong đó có con người là chủ chốt. Con người tự thấy có mình là pháp tướng thứ hai. Đó là hai loại tướng pháp đã tạo ra ngã-chấp và pháp-chấp. Hai chấp này đều do con người tự tạo ra để ngăn-cách mình với ngoại cảnh, chứ thật sự dưới con mắt bình-đẳng của chư Phật thì con người là một pháp trong muôn ngàn pháp khác, pháp nào cũng có chơn-tánh như nhau. Đó là tánh không, vô vi bất động, bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh, . . .

Đó là chơn-tánh vô tánh, đồng nhưt khắp pháp-giới.

Khi cái chơn-tánh ấy được Người trực-nhận, Người bèn đặt tên nó là chơn-tâm, còn chơn-tánh của vạn pháp thì gọi là pháp-tánh.

Do đó, gọi cho đúng đắn thì nên nói là chơn-tánh hay nhưt-tâm hay nhưt-chơn bình-đẳng pháp giới, hoặc nói gọn hơn cả là Tâm.

Vậy Tâm là gì? Tâm là chơn-tánh của vạn pháp. Vạn pháp thì không có tướng, có tánh' tánh không rời tướng mà riêng có; nó lại chỉ có một, chứ không hai. Còn tướng thì có muôn ngàn sai-biệt, chứ không chỉ có một hay hai mà thôi.

Do đó, "lìa tất cả tướng" là trở về với đồng-nhất; tánh đồng nhất là Phật tánh, là chúng sanh tánh, là vạn-pháp tánh, tánh nào cũng như tánh nào, tất cả đều bình-đẳng, không hề sai khác. Ta phải tìm hiểu, tìm biết, tìm thấy cái tánh duy-nhất đó ở nơi Phật, ở nơi ta, ở nơi người, ở nơi chúng sanh, ở nơi vạn pháp, ở đâu cũng có bất luận là khi nào.

2. Tánh duy-nhất là tánh gì?

Tánh duy-nhất ấy, theo sách Di-Đà Sớ Sao, có 12 đặc-điểm là: linh, minh, đồng, triệt, trạm, tịch, thường, hằng, phi-trước, phi-thanh, vô bối, vô hướng (linh thiêng, sáng suốt, rỗngrang, thấu đáo, trong trẻo, vắng lặng, không thay đổi, luôn luôn có, chẳng dơ, chẳng sạch, không từ đâu đến, không đi về đâu).

Muốn tìm thấy chơn-tánh, phải theo tam-pháp-ấn của Phật dạy là: KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC.

Đứng ở chỗ “vô tướng” mà nói thì “không”, vô tác là “không có gì cả, không làm gì cả.” Đã không làm thì vốn nó đã như vậy rồi làm gì có việc tu sửa. Sửa cái gì? Sửa cái “không tu” vậy.

3. Sửa cái không tu.

a. Cái không tu có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là cái Tâm hay cái nguyên-tánh chung, vốn “không, vô tướng, vô tác” của vạn pháp. (Tức là **Tịnh**) theo nghĩa này thì “sửa” là sửa cái “không tu” của thế-nhân để trở về cái “không tu” kia.

Nghĩa thứ hai là, các phàm tánh riêng của mọi vật hữu-tình, như là của loài người. (Tức là **Nhiễm**) loài người nguyên tánh vốn là “không, vô tâm, vô tướng” nhưng vì không tu nên đã lầm lạc, phải chịu đau khổ. Nay muốn trở về nguyên-tánh vốn có của mình, mỗi một đều phải sửa cái “không tu” ấy. Sửa cái không tu đó là “tu cái không-tu gì cả”.

b. Như thế nào là cái “không tu” cần phải tu?

Trong Pháp-Bảo Đàn-Kinh có kể câu chuyện hai thầy sa-môn cãi nhau về phước động. Người thì nói phước động, kẻ nói gió động. Ngài Huệ-Năng bảo cho hai vị ấy biết rằng: không phải phước động, cũng không phải gió động. Đó là tâm các ông động.

Ta hiểu thế nào về câu chuyện này?

Bắt đầu từ lá phước, ta thấy: không có gió thì phước đâu có động. Cho nên cứ hưởng ngoại tìm nguyên nhân thì vị nói “gió động” là đúng. Ta chín-chắn hơn, sâu-sắc hơn, nhất là sau khi biết Ngài Huệ-Năng đã bác bỏ cả hai ý-kiến của hai vị kia, ta nhìn là Tâm ta, và

Hỏi: Phước có động không?

Đáp: Phước động.

Hỏi: Ai thấy phước động?

Đáp: Ta thấy, người thấy.

Hỏi: Thấy ở đâu?

Người có biết chút ít khoa-học sẽ trả lời đúng đắn rằng: ta thấy trên võng mạc ở đáy mắt có một hình ảnh của phước động do ánh sáng đưa vào. Hình ảnh lặc-lay ở đáy mắt là một hình thái của tâm động, nhất là khi người thấy, cứ bám víu vào hình ảnh đó mà cho là có thật. Sự thật thì hình ảnh đáy có khác gì hoa trong gương, trăng dưới nước. Nếu không thấy nó là huyễn, mà cứ chấp nó là thực và để tâm lay-lắc với hình ảnh lay-lắc của lá phước. Thế là tâm động.

Phải sửa chỗ tâm động ấy bằng cách nghĩ nó là huyễn, không bám víu vào nó. Nhắm mắt lại sẽ không thấy nữa. Hay mở mắt ra, cứ nhìn mà không theo cái tướng động bên ngoài để nói động, nghĩ động, mặc kệ cho bên ngoài có động hay không động ta cứ thản-nhiên như nhiên, nhìn như không nhìn, thì ta là ta, phước là phước, có liên-quan gì nhau mà động với không động. Thế là bình tâm, thế là trở về với chơn-tánh bất-động, như một tấm gương soi trong suốt, như mặt nước hồ yên-tĩnh, vô tâm:

Nhận bay qua quăng không gian,

*Bóng chim phản-chiếu trong làn nước xanh.
Nhạn không ý gửi bóng mình,
Nước không lòng giữ dáng hình nhạn bay.*

Nước không lòng chấp-thủ (nắm giữ) hình bóng của phước động, sống vô tâm, vô tư giữa mọi cảnh đời biến-đổi, thì cho dù đất đổ trời nghiêng ta vẫn còn ta, ta làm sao sinh diệt theo sự mất còn của ngoại cảnh được? Nhất là khi ta thấy biết rõ ràng rằng chính cái thân ta đây cũng là ngoại cảnh của cái ta thấy biết bất động, bất diệt đó.

Vậy, sửa cái không-tu là sửa cái thói quen hay bám víu vào hình bóng ở nội-tâm, dính mắc theo hình tướng ở ngoại cảnh để phải khổ sở đau xót theo sự hợp tan, còn mất của mọi sự vật biến chuyển không ngừng, từ vô thủy đến vô chung. Sửa cái thói quen ấy, dứt bỏ nó đi, như trừ một kẻ cướp trong nhà, sửa trong từng phút, từng giờ, từng ngày từng đêm, từng năm, từng kiếp . . . qua thời gian, không gian cho đến khi tâm hoàn-toàn “không, vô tướng, vô tác” là đắc đạo.

Trong lúc chưa đắc đạo, lúc hiểu biết như đã nói trên, chẳng lẽ ta cứ ngồi yên một chỗ không làm gì cả, cứ theo đường “tâm mà đi” đi vào “viễn-hành xứ” để qua “bất-động địa” như đã nói ở mục “hành vô hành” sao? Làm như vậy rồi “đi luôn” vào cõi “tịch-diệt” cũng được, nhưng chắc chắn ta sẽ bị Phật quở là “chồi khô mộng lép” là “vong ân bội nghĩa”. Ta không muốn bị quở trách như thế, ta dẫn thân vào đường hành đạo, nghĩa là phải vào đời, để đem ánh đạo đến cho mọi người cùng thấy.

Nhưng vào đời trong cương-vị nào?

Phải mượn “hành tướng Trung-đạo” để hiện-thực cái “hành dùng Trung-đạo” cho đúng với “lý tánh Trung-đạo” là “không phải phạm, không phải thánh”. Làm tất cả mọi việc không ngăn-ngại, mà thực-sự là chẳng là gì cho ai cả.



TỪ ĐỜI ĐẾN ĐẠO

A. Lời Phật dạy.

Trong Kinh Thập-tứ Nhị Chương, chương 2, Phật dạy rằng: “Những bậc xuất gia làm sa-môn, dứt bỏ ái-dục, biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý màu của Phật, ngộ pháp vô vi trong không sở đắc, ngoài không sở cầu, tâm không ràng buộc nơi đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp, dứt sự suy-nghi, dứt sự tạo-tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được, chẳng cần trải qua các vị mà tự nó cao tột, gọi đó là ĐẠO.”

B. Tìm hiểu, biết rõ, tu đúng để được Đạo.

I. Xuất Gia Và Dứt Bỏ Ai-Dục

1. Xuất gia là ra khỏi nhà theo Đạo. Ra khỏi nhà là từ bỏ gia-tài và gia-quyến để sống không của cải, tự xưng là “bần đạo” không quyến thuộc để tránh hệ lụy do cuộc sống ở gia-đình gây ra. Được nhẹ nhàng, tự-do như thế thì việc xuất gia chính yếu là “ra khỏi nhà lửa tam giới” mới có cơ thực-hiện được.

2. Có người Thân tuy xuất gia mà Tâm chưa xuất gia là bởi còn mang nặng lòng ái-dục. Dục là muốn. Ái là yêu. Chưa có thì muốn cho được. Được rồi thì tham-đắm, lưu-luyến không dứt bỏ được, cho nên dục là nhân, ái là quả. Đó là tình-trạng đắm-đuối, say mê, khó dứt. Vì vậy, Phật dạy rằng “những điều khiến cho người ta ngu tộ là **ái** và **dục**” (Kinh TTNC, Ch. 16)

Muốn thấy được Đạo, muốn tránh các ngu tộ do ái-dục gây ra, Phật dạy người hành-đạo phải tránh “nhìn ngó vào nữ sắc”, như kẻ mang cỏ khô, lửa đến phải tránh xa”, phải dè dặt chớ gần với sắc đẹp vì gần với sắc đẹp thì họa sanh. “Nếu phải cùng người nữ nói chuyện, thì nên nghĩ tưởng “người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, đứa bé như con” mới “diệt được niệm xấu.” (Kinh TTNC, Ch. 29.)

Đừng như một vị tu-sĩ nọ, lúc qua đò ngang, nhìn cô lái đò và bị cô phạt một đồng. Lúc trở lại, cúi mặt xuống không nhìn thì bị cô phạt hai đồng vì trong tâm còn nhớ đến hình ảnh của cô, chưa chịu buông xả nên mới cúi mặt. Có tự mình dứt khoát với mình mới ranh rang để “theo đường tâm mà đi.”

II. “Nhận Xét Nguồn Tâm, Hiểu Rõ Lý Mẫu Của Phật”

Theo đường Tâm mà đi là thiên-quán, suy-tư để nhận biết rằng tâm động là ý-thức hiện, cũng như nước động thì sinh sóng. Sóng động là do gió, cũng giống như ý-thức hiện là do ánh sáng đưa ngoại cảnh vào tâm.

Do đó, nguồn Tâm không ở tại thân mà do từ ngoại cảnh. Ở ngoại cảnh thì vạn pháp đều nương nhau mà tự hiện, như đất là do nhiều hạt bụi nhỏ bị nước, nắng, sức ép bắt phải kết hợp thành khối, nổi lên thành núi, gò; như nước là do hai chất dưỡng khí và khinh khí hóa hợp mà

thành; như gió là do không khí di chuyển mà sinh; như lửa là do củi bị dưỡng khí trong không khí đốt cháy bùng mà lên ngọn.

Đất, nước, gió, lửa trong hư-không thường ở trong cái thế “chẳng đặng đừng” nên phải chuyển động và hiện tượng, nếu không, chúng thường ở yên một chỗ hoặc im-ẩn chứ không xuất hiện:

*Bởi đất nghiêng, nước đành đổi chỗ;
Vì nước xoi, đất đổ tìm yên;
Lửa thiêu, gió mới đổi miền;
Nếu không dưỡng khí, lửa liền tắt ngay.*

Hai thế động và tịnh mâu-thuẫn nhau khiến cho mọi vật do tứ-đại kết thành luôn luôn phải biến-chuyển, đổi dời không dứt.

Các sự di-động biểu-kiến ấy đều do con người nhận-định qua ý-thức xao động của chính mình (Xin xem lại chỗ nói: phước động hay tâm động), cũng như “biển động nhìn trăng, trăng gợn sóng”, chứ thật sự thì:

*Nước không muốn chảy
Đất chẳng muốn nghiêng
Gió chẳng muốn thiên (= dời đi)
Lửa không muốn cháy.*

Vạn vật vô dục, bất động, nào có “muốn” gì, mà buộc phải như “con gà trống gáy, con gà mái nuôi con”, bởi do cái muốn của chúng tạo nên nghiệp-thức.

Thế thì: **động** là giả-tưởng bên ngoài; **tĩnh** là thực-tánh bên trong. Đó là nói về ngoại cảnh, đối với xác thân ta.

Còn nói tự thân ta, xem như ngoại cảnh đối với cái thấy biết vô ngã, xét từ một con tinh-trùng nhỏ hơn hạt cát rất mịn, đến thành bào thai, rồi được ra đời, được nuôi dưỡng cho đến ngày khôn lớn như hiện tại, ta thấy thân người gồm toàn những chất dinh-dưỡng cấu-tạo nên hình: các chất dinh-dưỡng ấy như muối thuộc khoáng; sữa, đường, dầu, mỡ, gạo do động vật và thực vật sinh ra; động và thực vật đều hoạt động như những cái máy lọc lấy những chất tinh-hoa kết-hợp lại từ đất, nước, gió, lửa.

Vậy bản-chất của thân người cũng là do đất, nước, gió, lửa tạo thành, giống hết một thân cây, nhờ có rễ hút các chất bổ-dưỡng ở đất lên mà sinh trưởng.

Tứ đại trong thân người và tứ đại ở ngoại cảnh, hình-thái tuy khác nhau, nhưng bản chất lại giống nhau; đến khi tan rã lại cũng trả về cho đất, nước, gió, lửa ở ngoại cảnh.

Thế thì, khi tứ đại ở ngoại cảnh bất-động, không “muốn” gì, chẳng lẽ tứ đại ở trong thân ta lại có “muốn” hay sao?

Từ đó suy ra, ta biết rằng cái muốn là do ý-thức sinh ra, chứ không phải do thân tứ đại muốn.

*Người ưa cho đất phình ra (mập)
Ham cho cho nước cứ giữ đà lang thang (máu chảy)*

*Muốn cho lửa cháy lâu tàn (thân ấm)
Mong cho gió mãi một đàng vô ra (thở)*

Thật đúng như lời đức Phật Ca-Điếp đã dạy trong bài kệ, do đức Thích Ca truyền lại:

*Dục sanh ư như ý (Cái muốn sanh nơi ý ông)
Ý dĩ tư tưởng sanh (Cái ý do tư, tưởng sanh)
Nhị tâm các tịch tịnh (Hai tâm đều vắng lặng thì)
Phi sắc diệt phi hành (Chẳng phải sắc, cũng chẳng phải hành)*

Tóm lại, tứ đại ở nội-thân hay tứ đại ở ngoại cảnh, chính đó là nguồn tâm, nơi có chơn-tánh. Chơn-tánh không rời tứ đại mà riêng có. Chơn-tánh là tánh vô dục bất động của tứ đại khắp mọi nơi.

Còn lý mâu của Phật là: cái muốn do ý sinh, mà ý là do tư và tưởng phát khởi. Nếu bỏ tư, lìa tưởng thì chẳng sắc, chẳng hành, sao phát sinh ra ý được? Nhắc lại 12 nhân duyên, trong đó có: hành, thức, danh-sắc. Khi quán hoàn diệt: hành diệt thì thức diệt; thức diệt thì danh sắc diệt. Vậy thì “nhận biết nguồn tâm của mình” là biết tánh của tứ đại ở trong cũng như ở ngoài thân ta thực sự không có **muốn**. Và hiểu rõ lý mâu của Phật là hiểu rằng: lìa tưởng, bật tư thì chẳng sắc, chẳng hành, ý-thức không sinh, làm sao có muốn được?

Trong không có **muốn**, tức “trong không sở đắc”. Ngoài chẳng có **muốn**, tức “ngoài không sở cầu”. Trong ngoài ứng-hiệp thì “pháp vô vi” hiện, làm sao không ngộ?

III. “Tâm Không Ràng Buộc Nơi Đạo, Đoạn Trừ Nghiệp

1. Kiết là phiền não. Nghiệp là thói quen thúc đẩy. Kiết nghiệp là thói quen gây phiền não. Nó là kết quả của những định-kiến hay kiến-chấp do ý-thức mê đắm gây ra. Do đó, gốc của sự kiết-nghiệp cũng vẫn là ái-dục. Cho nên, như trên đã trình bày, hễ dứt **tư**, bật **tưởng**, nghĩa là “dứt sự suy nghĩ” và tưởng tượng bằng cách ngồi thiền, hay làm việc bằng chân tay cần nhiều sự chú ý thì cái muốn sẽ không có điều-kiện hay cơ-hội phát sinh.

Nói gọn hơn, có lớp thì: chuyên lo ngồi thiền, nhập định đều đặn và chăm-chú vào việc chân tay mà không hay suy nghĩ gì thì lâu ngày chầy tháng, cái tư và cái tưởng sẽ lắng chìm, ý-thức mới bất động, cái muốn sẽ ít phát sinh. Một khi đã ít muốn thì người ta sẽ ít làm những gì gây ra phiền-não.

Và dứt hẳn được sự suy nghĩ thì Tâm không động, ý không sanh, làm sao còn kiết-nghiệp được?

2. Người hành đạo hay người tu tâm mà tâm còn nghĩ ngợi: Phải làm việc này, việc nọ (bệnh tác.; muốn diệt trừ các vọng-tưởng (bệnh diệt); muốn đình chỉ các vọng-niệm (bệnh chỉ); muốn để cho vọng-tâm mặc ý chạy rong không cần theo dõi (bệnh nhậm) như con ngựa không cương thì các muốn đó, các điều nghĩ ngợi kia là những cái bệnh khiến tâm bị ràng buộc với Đạo, không thể rỗngrang vắng lặng được.

Trong Kinh Viên-Giác, Phật dạy: phải tránh bốn bệnh: tác, diệt, chí, nhậm đó mới nhập được tánh viên-giác.

Phật dạy: “Chỉ trong tất cả thì giờ không khởi vọng-niệm phân-biệt; đối với các vọng-tâm cũng chẳng cần diệt-trừ; ở cảnh vọng-tưởng, chẳng gia thêm phân-biệt; ở nơi cảnh không rõ biết, chẳng cần phân-biệt chơn thật ... thì Ta (Phật) gọi chúng sanh này là người tuy-thuận tánh viên-giác. (Kinh Viên Giác PHPT, tr. 94)

Tóm lại, “dứt sự suy nghĩ” là nhân thì “chẳng còn kiết-nghiệp” là quả. “Dứt sự tạo-tác” ở trong tâm là không nghĩ ngợi gì cả, không muốn gì cả, thì tránh được các bệnh: tác, diệt, chỉ, nhậm, để cho Tâm vắng-lặng, rỗngrang là “Tâm không ràng buộc nơi Đạo.”

IV. Kết Luận

Các kết-quả đã được nêu ra trên đây, là do ý-chí xuất-gia, “dứt bỏ ái-dục”, “nhận biết nguồn tâm”, “hiểu rõ lý mẫu của Phật” mà được. Nhưng các pháp vô vi, cái tánh vô dục bất động của vạn hữu, không phải do tu mà nên, không phải cầu mà được. Nó chỉ là cái tự-tánh của các pháp vốn có, cho nên nói chứng thì thật chẳng có gì để gọi là chứng được.

Vì không có ai chứng, không có gì để chứng, vì phải thể-nhập hoàn-toàn vào cái “không, vô tác, vô tướng” mới gọi là chứng cái không-chứng nên trong Thành Duy Thức Luận có bài tụng nói rằng:

*Hiện tiền còn chút vật
Gọi là tánh Duy-thức
Nhưng vì còn có sở đắc
Nên chẳng phải thật trụ Duy-thức*

Phải buông xả tất cả, không còn một hình bóng, một ý-niệm nào cả, để cho Tâm hoàn-toàn rỗngvắng thì mới gọi là:

*Tâm không ràng buộc nơi Đạo
mà tự nó cao tột
chẳng cần trải qua các vị.*

C. Bỏ Riêng Về Chung

I. Đi Vào Ngõ Hẹp

1. Vũ trụ có hai phần là hư-không (trời) và vật chất (đất). Trong hư-không có ánh-sáng, nhiệt và các chất khí. Trong vật chất có nước, đất, các chất kim loại. Sáu thứ ấy đều vô tình vô dục.

Riêng ánh sáng và nhiệt là hai lượng có động-năng nên gọi là **năng lượng**. Còn các chất khí, nước, đất và các chất kim loại vốn không có động năng nên gọi là các **chất trơ**.

Hai năng lượng kia tác-dụng vào bốn chất trơ nọ, tạo ra động năng, cơ năng làm cho vạn vật vô tình vô dục biến-chuyển dời đổi không dứt.

Đó là sự sống vô tình, vô dục, do nhiệt và ánh sáng của mặt trời chi phối.

2. Trong vũ trụ vật-chất vô tình, vô dục, vô cơ ấy bỗng xuất hiện những vật hữu-cơ là có da thịt, như thực-vật và động-vật.

Thực-vật vẫn vô tình vô dục, còn động vật lại có dục có tình.

Tình, dục kết-hợp với cơ-cấu từng cá-thể, tạo ra cái **thấy và cái biết vô tư** của kiến-đại và thức-đại chu biến khắp nơi.

Kiến-đại là cái thấy vô tư, do ánh sáng, bóng tối và hư-không tạo ra.

Thức-đại là cái biết do các thấy vô tư hợp với hình tướng từng vật mà hiện, như cảnh hiện trong nước yên, giữa gương trong phẳng hay trên kính mờ của máy ảnh.

Cái Thấy biết riêng tư, và cái thấy biết không riêng tư càng ngày càng phân cách, xa rời nhau, như từng cá nhân tự thấy mình cách biệt với trời đất vậy.

3. Trong từng cá nhân hay nói rộng ra là trong từng cá-thể sinh vật hữu-tình hữu-dục (kể cả người và thú vật) thì:

- phần vật-chất là xác thân tứ đại, và
- phần thấy biết là con mắt và bộ não

Trong trời đất thì:

- phần vật-chất là vạn vật vô tình, và
- phần thấy biết là kiến-đại và thức-đại vô dục, vô tư.

So sánh trời đất với người và thú, thì hai thực-thể ấy tương đồng vì hai bên, bên nào cũng có những phần vật chất và phần thấy biết như nhau. Nhưng hai thực-tế ấy lại khác nhau ở chỗ: trời đất thì bao-la, còn người, thú thì hữu-hạn; trời đất thì vô tình, vô dục, vô tư, còn người và thú thì có tình, có dục, có riêng tư rõ rệt.

Cái riêng tư của từng cá-vị chính là do cái hữu-hạn của xác thân quyết định. Nhưng thay vì có tình và có dục riêng tư hữu-hạn, hai thứ tình dục này lại vượt ra ngoài giới-hạn của cá-thể mà phát-triển theo chiều hướng vô hạn. Do đó, con người phải khổ vì mối mâu-thẫn nội-tại ấy. Không cách nào thoát được, nhà thơ Lamartique của Pháp, vào thế kỷ thứ 19, đã than: “Hữu hạn trong bản-chất, mơ ước lại vô biên, người là tiên sa-đọa, còn mãi nhớ cảnh thần tiên.” (Borné dans sa nature, infini dans ses vœux, l’Homme est un dieu tombé, qui se souvient des cieux.)

Nay muốn khởi sa-đọa, muốn khỏi bị dày vò đau khổ vì mối mâu-thuẫn kia, con người chỉ cần nhận-định lại cái mối quan-niệm hữu-hạn của chính bản thân mình, nó đã ngăn cách mình với vũ trụ vô biên.

II. Nên Tự Mở Trói Cho Chính Mình

Nhận định lại như thế nào?

1. Con người và vũ-trụ: Trước hết, về vật chất, thân người và vũ trụ vật chất có khác nhau gì đâu? Các nhà bác học đã phân tích và thấy rằng, trong vũ trụ có những chất gì thì trong người cũng có những chất ấy, không thiếu một chất nào: vàng, bạc, bạch kim, đồng, chì, sắt, kẽm, đất, nước, gió lửa. Như vậy thì tuy nhỏ về hình tướng nhưng về bản chất thân người đúng là một tiểu vũ trụ, cũng như một giọt nước, tuy bé bỏng, nhưng nó vẫn đồng thể tính với đại dương. Chỉ tại tâm-lượng mình hẹp hòi, chứ giọt nước có khác gì biển cả, khi ra rời xa hình

tương tạm thời? Bậc Giác có dạy rằng: “Chúng ta nhìn thấy sự vật bình-đẳng, vì nếu sự vật bình-đẳng thì không còn là sự vật nữa.

2. Thứ đến, làm người ai chẳng có tình? Nhưng cái tình riêng tư là điều gây khổ lụy. Vả lại, óc riêng tư, trước đây là do thân mình tự tách rời khỏi vũ trụ mà có. Nay ta đã thấy bản-chất ta và vũ trụ không khác gì nhau, tại sao ta còn gò bó mình trong một phạm-vi nhỏ hẹp?

*Hãy mở lòng hữu hạn,
Để vào cõi vô biên,
Trời đất đã không riêng,
Sao Ta còn nhỏ hẹp?
Tình vạn kỷ thương đời luôn tốt đẹp!
Ta với Người nào có khác gì nhau?
Mãi lầm mê nên đã quá khổ đau,
Nay phải quyết rời xa hình bé nhỏ.
Có như thế mới mong ngày thoát khổ,
Được cùng người vạn thuở mãi yên vui.*

3. Con người và vũ-trụ tương đồng: Cuối cùng, ta có đôi mắt và đầu óc thấy biết tương đồng với kiến-đại và thức-đại trong trời đất.

Mắt tuy bé nhỏ nhưng tánh thấy bao-quát cả bầu trời. Óc tuy nhỏ, nhưng “gồm thâu muôn pháp”. Mắt chỉ mờ khi tình dục hăng say. Óc chỉ tối khi lòng ham luyến ái.

Bởi thế, nếu bỏ dục như rời xa hầm lửa, dứt đam mê như lìa chỗ bùn dơ, thì hẵn-nhiên mắt sẽ hết mờ, lòng không vướng bận. Lúc bấy giờ giới-hạn bản thân sẽ không còn là chướng-ngại để cho ta nhìn xa thấy rộng, dần dần đến chỗ thông-đạt tất cả, như trời đất bao dung vạn loại ở muôn nơi.

Do đó, phải thấy lòng ái dục, óc riêng tư là sợi dây trói buộc bắt con người phải khổ lụy bởi lầm mê. Nay, “muốn rời xa cảnh đau khổ ê-chề, phải ly dục, bỏ riêng tư nhỏ hẹp.”

Tóm lại, thân người và trời đất, bản chất như nhau. Mắt thấy và Tâm biết như kiến-đại và thức-đại. Chỉ có tình riêng và ái dục là hai dây ràng buộc, khiến con người phải đau khổ trong lầm mê.

Nay muốn dứt mê, hết khổ, ta phải quyết lòng đoạn trừ ái dục, đổi tình riêng ra tình chung rộng lớn, như trời đất bao-dung vạn loài, thì cái thân bị hình tướng cho là hữu-hạn sẽ cùng vạn loại hoà đồng trong tự tánh chơn không vô câu vô dục².

² Thiên sư Cửu-Chỉ đời Lý Thái Tông dạy cho môn đồ trước khi tịch có câu: “Tướng vô vi là hết dục, vô ngã, quên niệm mà nhận lấy vậy.” Sư có một bài kệ bằng chữ Nho (trong tập Thiên Sư Việt Nam của Thanh Từ soạn), chúng tôi đã dịch thoát ý như sau:

*Thấy rõ Thân-Tâm vốn lặng ngưng,
Thân-thông hiện tướng đối không ngừng.
Vô vi hữu-động từ đây khởi,
Thế giới nhiều bao khó kể chừng.
Tuy hiện tràn đầy trong vũ-trụ,*

Nhưng công cuộc “bỏ riêng về chung” chỉ có ý-nghĩa trọn vẹn khi ta giúp cho người khác tự mở trí cho họ.

III. Giúp Cho Người Khác Tự Mở Trí

1. Giúp cho người khác tự mở trí là: sau khi đã thấy sự tự-tánh chơn không vô cầu vô dục, tức đã nhận được pháp-tánh vô vi, ta nương theo lòng đại-bi của chư Phật và Bồ-tát, không trụ mãi trong cõi tịch-diệt mà dẫn thân vào đời, hành bi-nguyện để cứu-độ chúng sanh. Làm như vậy là phải dùng lại **hành tướng Trung-đạo** tức là thân người và ý-thức để làm mọi Phật-sự cho thiên hạ noi theo ... Giữa hai bên: một bên rất ráo **không**, là pháp tánh vô vi, không thiện không ác; một bên rất ráo **có**, là pháp tướng biến-động, có ác có thiện; ta đi vào đường giữa với xác thân và ý-thức, không chấp có, không chấp không, làm mọi điều lành, tránh mọi điều ác, để đến chỗ không thiện không ác.

2. Theo chiều hướng Trung-đạo: Dùng hành tướng Trung-đạo theo chiều hướng đó là nhằm mục-đích chỉ cho người thấy biết rõ ràng:

- Tự tánh vốn không
 - Duyên sinh giả hữu
- } Đó là lý-tánh **Trung-đạo**,
cần phải thông suốt

Điều ấy có nghĩa là:

- Ta cũng như vạn hữu, tánh vốn không tịch, còn tướng hiện theo duyên, tạm có rồi không, không gì bền được, nhưng tánh không rời tướng.
- Dừng theo cái tạm có, dính mắc với đời mà phải khổ đau;
- Chớ chấp hư-không là tự-tánh mà lạc vào ngoại đạo, chẳng lợi gì cho đời.

3. Phải theo hành dụng Trung-đạo: chẳng trụ vô vi, không hết hữu-vi, để làm mọi Phật-sự cho muôn đời dứt mê, thoát khổ.

Vì sao chẳng trụ vô vi? Chẳng hết hữu-vi?

Vì như Phật đã dạy: Ta tu học lẽ không, vô tác, vô tướng, nhưng trí-tuệ, thiên-định, phước-đức không phải là hư dối.

Bởi có phước-đức, có đại từ-bi, nên chẳng trụ vô vi, bởi có trí-tuệ, phải tròn bốn nguyện, nên chẳng hết hữu-vi.

Bởi tập hợp các phương thuốc, phải biết bệnh của chúng sinh, nên chẳng trụ vô vi; bởi biết tuý bệnh cho thuốc, trị dứt bệnh của chúng sinh nên chẳng hết hữu-vi.

Tóm lại, phải cho tất cả thấy rõ: **lý tánh Trung-đạo** “tự tánh vốn không, duyên sanh giả hữu” mới dùng được hành tướng Trung-đạo là xác thân không trụ và ý-thức biến động để theo lời Phật dạy mà tu tập và hành đạo cho có trí-tuệ, định lực và phước-đức.

*Nơi nơi xem lại mất hình dung,
Ngàn đời khó sánh chân tình ấy,
Chốn chốn, thời thời vẫn sáng trưng.*

Có trí-tuệ, định-lực và phước đức, với lòng đại-bi muốn tròn bốn nguyện mới biết theo **hành dụng Trung-đạo** là chẳng trụ vô vi, không hết hữu vi để cứu độ chúng sinh muôn đời không dứt.

D. Tổng Kết

1. *Đi giữa đường mê
Gặp nhiều khổ ải
Quyết lòng đứng lại
Để thấy rõ ràng,
Thật có hai đàng,
Bên mê, bên ngộ.*
2. *Bên mê khổ, vì lòng đầy ái-dục
Đẩy chạy theo bốn muốn, phải đau thương,
Phải trầm luân trong ba cõi sáu đàng
Bởi chẳng biết: duyên sanh là giả hữu
Bên ngộ thấy: muôn tướng hình thành tự
Đều do tứ đại hợp nên hình,
Tướng bên ngoài như có diệt, có sinh,
Trong “tự tánh vốn không”, không biến đổi.*
3. *Tâm vô tướng, như gió khi ngừng thổi
Như lửa chưa sinh, rỗnglặng tựa như không
Như đất nằm yên, nước chưa chảy nên gì
Không tạo tác, không hình, luôn chẳng khởi.
Tâm hiện pháp, như lửa bùng, gió thổi
Như nước trào sôi, đất nổi nên gò.,
Như hư không, mây kéo phủ mặt mờ
Lòng xao xuyến, ước mơ, hay mển tiếc.*
4. *Tâm trực nhận thấy thức năng phân biệt
Khiến cho thân hành, bởi muốn chạy theo danh
Chịu khổ đau vì tạo nghiệp chẳng lành
Phải trở lại gieo nhân, chờ hưởng quả.
Nhưng ai chỉ cho người đời cải quá,
Bỏ đường mê, dứt ái-dục, lìa danh?
Chỉ cho Người thấy giả hữu duyên sanh
Về tự tánh nguyên không, cho hết khổ?*
5. *Bậc đại giác vào đường mê dẫn lộ
Là **đi vào Trung-đạo**, chỉ đường về
Cho bao người thoát khổ, dứt lằm mê
Lòng tự-nguyện mãi đem theo trí, đức.
Trí, Đức, Nguyên, tạo ra Tài, Phước, Lực
Dùng thuốc hay, trị dứt bệnh muôn người*

Thân trong đời, mà Tâm vẫn lìa đời
Chẳng trụ Giác, mãi làm muôn sự việc³

6. Người từng nguyện, nguyện bỏ thân chẳng tiếc,
Nguyện làm tròn, tự-độ hướng độ-tha.
Vừa theo đường tâm đạo: thẳng về nhà,
Vừa hành đạo: độ-tha, tròn đại nguyện.
Đường đã vạch, ta chỉ còn thẳng tiến,
Chẳng lang thang, tự tiện, hoặc buông lung.
Phải nên gương cho thiên hạ phục tùng,
Tròn chí nguyện mới đến ngày an nghỉ.
7. Lòng trời, đất, thương đời từ vạn kỷ,
Chớ đi vào tiểu-vị, khó bao dung,
Người với tâm cùng vạn hữu tương đồng
Bỏ hình tướng, về **không**: thường hỷ lạc.
Chớ ôm giữ tình riêng lòng tráo chác
Cuộc trăm năm, mộng đẹp cũng tan tàn!
Chim bay, tưởng chẳng xa cành,
Cá reo vui tưởng thác gành dễ đi!
Tình cho bắc nặng hơn chì,
Thoát ngoài, tình tưởng còn chi khổ, mừng?
8. Trời trong, biển lặng, gió ngừng,
Trăng treo đầu núi, mây dừng cuối sông
Mãi vui với cái tình không,
Dẫu khi non nước vào vòng bể dâu!
Thương ai bỏ nón về đầu
Cũng lòng thanh-thoát, trên đầu vốn **không**.

Ngày 12 tháng tám năm Tâm Dậu (9.9.81)



³ Chẳng trụ vô vi, chẳng hết hữu-vi